TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 224/2023/DS-PT
Ngày 03/7/2023
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Văn Những.

Các Thẩm phán: Bà Lê Thị Bích Tuyền.

Bà Trần Thị Thanh Thúy.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc Lan - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Cẩm Chi - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An mở phiên tòa để xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý 137/2023/TLPT-DS ngày 05 tháng 6 năm 2023 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 19/2023/DS-ST ngày 27 tháng 3 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố TA, tỉnh Long An bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 180/2023/QĐ-PT ngày 19 tháng 6 năm 2023 giữa:

- *Nguyên đơn:*

1. Ông Lê Hoài L, sinh năm 1964.

2. Bà Nguyễn Lưu Mỹ D, sinh năm 1975.

Địa chỉ: Số X1, đường Nguyễn Văn B, phường Y, thành phố TA, tỉnh Long An.

Người đại diện hợp pháp của ông Lê Hoài L: Bà Nguyễn Lưu Mỹ D (Giấy ủy quyền ngày 18/4/2022).

3. Bà Lưu Thị X, sinh năm 1955. Địa chỉ: Số X2, đường Nguyễn Trung Tr, thị trấn Tân Tr1, huyện Tân Tr1, tỉnh Long An.

- *Bị đơn:* Ông Trần Hữu M, sinh năm 1954. Địa chỉ: Số X3, đường Nguyễn Đình Ch, phường Y, thành phố TA, tỉnh Long An.

Do có kháng cáo của nguyên đơn ông Lê Hoài L, bà Nguyễn Lưu Mỹ D, bà Lưu Thị X, ngày 11/4/2023.

(Các đương sự đều có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết, nguyên đơn ông Lê Hoài L và bà Nguyễn Lưu Mỹ D trình bày:

Vào ngày 10/01/2022, ông Lê Hoài L và bà Nguyễn Lưu Mỹ D có cho ông Trần Hữu M vay số tiền là 800.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất là 1%, thỏa thuận khi nào ông L, bà D có nhu cầu đòi lại thì ông M sẽ trả. Bà xác định sau khi vay, ông M không có trả vốn và tiền lãi. Đến ngày 01/4/2022, ông L, bà D có báo cho ông M về việc có nhu cầu lấy lại vốn, ông M hứa hẹn thanh toán nhiều lần nhưng không thực hiện. Nay ông L, bà D yêu cầu ông M thanh toán vốn vay 800.000.000 đồng và tiền lãi theo lãi suất 1%/tháng từ ngày 10/01/2022 cho đến nay.

Bà Lưu Thị X trình bày:

Vào ngày 10/01/2022, bà X có cho ông M vay số tiền là 200.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất là 1%, thỏa thuận khi nào bà có nhu cầu đòi lại thì ông M sẽ trả. Sau khi vay, ông M có trả cho bà X tiền lãi đến tháng 3/2022. Đến ngày 01/4/2022 bà có báo cho ông M về việc có nhu cầu lấy lại vốn, ông M hứa hẹn thanh toán nhiều lần nhưng không thực hiện. Bà yêu cầu ông M thanh toán vốn vay 200.000.000 đồng và tiền lãi theo lãi suất 1%/tháng từ ngày 10/01/2022 cho đến nay.

Bị đơn ông Trần Hữu M trình bày:

Ông thừa nhận khoảng năm 2020, ông có vay ông L và bà D số tiền là 800.000.000 đồng; vay bà X số tiền 200.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất là 30.500.000đồng/tháng/01 tỷ, khi nào ông L, bà D có nhu cầu đòi lại thì ông sẽ trả. Khi vay, ông L là người giao dịch trực tiếp với ông, ông có ký và lăn tay vào giấy nhận nợ. Ngay sau khi vay, ông có trả số tiền vốn gốc 100.000.000 đồng cho ông L và thanh toán tiền lãi hàng tháng cho ông L đến tháng 2/2022 thì không có khả năng thanh toán nữa. Đến ngày 01/4/2022, bà D và bà X đến nhà ông yêu cầu thanh toán tất cả các khoản nợ và yêu cầu ông ký lại giấy nợ mới. Nay ông chỉ đồng ý hoàn trả vốn vay 700.000.000 đồng cho ông L và bà D, hoàn trả vốn vay 200.000.000 đồng cho bà X. Đối với tiền lãi, do hoàn cảnh kinh tế hiện đang gặp khó khăn nên ông xin không trả lãi nữa. Ông đề nghị thanh toán theo phương thức trả dần trả vào ngày 01 hàng tháng, thanh toán mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi hết nợ.

Tại Bản án sơ thẩm số 19/2023/DS-ST ngày 27 tháng 3 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố TA, tỉnh Long An đã áp dụng các Điều 26, 35, 39, 147, 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các điều 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 và áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30

tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Lê Hoài L, bà Nguyễn Lưu Mỹ D, buộc ông Trần Hữu M có nghĩa vụ hoàn trả vốn vay 700.000.000đ và tiền lãi là 99.011.112đ, tổng cộng 799.011.112đ (bảy trăm chín mươi chín triệu, không trăm mười một nghìn, một trăm mười hai đồng) theo phương thức sau:

Ông Trần Hữu M có nghĩa vụ hoàn trả ông Lê Hoài L, bà Nguyễn Lưu Mỹ D số tiền 400.000.000đ ngày 03/4/2023.

Ông Trần Hữu M có nghĩa vụ hoàn trả ông Lê Hoài L, bà Nguyễn Lưu Mỹ D số tiền 399.011.112đ vào ngày 27/3/2024.

2. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Lưu Thị X, buộc ông Trần Hữu M có nghĩa vụ hoàn trả vốn vay 200.000.000đ và tiền lãi là 28.288.888đ, tổng cộng 228.288.888đ (hai trăm hai mươi tám triệu, hai trăm tám mươi tám nghìn, tám trăm tám mươi tám đồng) theo phương thức sau:

Ông Trần Hữu M có nghĩa vụ hoàn trả bà Lưu Thị X số tiền 100.000.000đ vào ngày 03/4/2023.

Ông Trần Hữu M có nghĩa vụ hoàn trả bà Lưu Thị X số tiền 128.288.888đ vào ngày 27/3/2024.

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Lê Hoài L, bà Nguyễn Lưu Mỹ D về việc yêu cầu ông Trần Hữu M có nghĩa vụ hoàn trả vốn vay 100.000.000đ.

4. Tiếp tục duy trì biện pháp khẩn cấp tạm thời tại Quyết định số 01/2023/QĐ-BPKCTT ngày 06/01/2023 của Tòa án nhân dân thành phố TA về áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời "cấm xuất cảnh đối với người có nghĩa vụ".

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền, thời hạn kháng cáo, quyền và nghĩa vụ của các đương sự trong giai đoạn thi hành án.

Bản án chưa có hiệu lực pháp luật. Ngày 11 tháng 4 năm 2023, nguyên đơn ông Lê Hoài L, bà Nguyễn Lưu Mỹ D, bà Lưu Thị X kháng cáo đề nghị sửa án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và kháng cáo.

Bà Nguyễn Lưu Mỹ D trình bày: Bà không đồng ý cấp sơ thẩm tuyên buộc ông M trả cho bà 700.000.000 đồng tiền nợ gốc và lãi tương ứng vì ông M thừa nhận vay số tiền nợ gốc là 800.000.000 đồng, nhưng ông M cho rằng đã trả được 100.000.000 đồng là không đúng mà đó là số tiền làm ăn khác không liên quan đến khoảng nợ vay này. Việc bà D tự ý trừ 100.000.000 đồng tại buổi hòa giải

ngày 15/02/2023 ông L không đồng ý nên ngày 16/02/2023 ông L có khiếu nại do ảnh hưởng đến quyền lợi của ông L.

Còn về phương thức trả nợ: Bà D có trình bày tại phiên tòa sơ thẩm là nếu ông M cam kết trả nợ gốc và lãi thành 02 lần trong một năm, lần thứ nhất trả 400.000.000 đồng và lần thứ 2 trả hết số tiền còn lại thì bà đồng ý trả làm 2 lần. Còn nếu ông M không đồng ý thì bà yêu cầu Tòa án giải quyết theo pháp luật. Tuy nhiên, tại phiên tòa ông M không có ý kiến gì về phương thực trả nợ, nhưng cấp sơ thẩm lại buộc ông M trả nợ làm 02 lần là không đúng ý chí của nguyên đơn.

Vì các lý do trên nguyên đơn yêu cầu sửa án sơ thẩm buộc ông M trả nợ gốc là 800.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn là: 17.972.602 đồng, tiền lãi quá hạn là 94.684.932 đồng. Tổng cộng vốn lãi là: 112.657.534 đồng, đồng thời yêu cầu buộc ông M trả nợ một lần.

Bà Lưu Thị X trình bày: Về phương thức trả nợ của ông M, bà có trình bày tại phiên tòa sơ thẩm là nếu ông M cam kết trả nợ gốc và lãi thành 02 lần trong một năm thì bà đồng ý. Còn nếu ông M không đồng ý thì bà yêu cầu Tòa án giải quyết theo pháp luật. Tuy nhiên, tại phiên tòa ông M không có ý kiến gì về phương thực trả nợ, nhưng cấp sơ thẩm lại buộc ông M trả nợ làm 02 lần là không đúng ý chí của nguyên đơn.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An phát biểu:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm này thấy rằng Hội đồng xét xử phúc thẩm, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử phúc thẩm vụ việc. Người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Xét yêu cầu trả số tiền 1.000.000.000 đồng trong đó 800.000.000 đồng tiền của bà D và ông L, 200.000.000.000 đồng của bà X. Ông M thừa nhận có vay số tiền trên của các ông bà. Tại phiên tòa ngày 10/03/2023 bà D vợ ông L thừa nhận ông L đã nhận của ông M 100.000.000 đồng. Do đó căn cứ vào lời thừa nhận của các đương sự xác nhận ông M còn nợ bà D và ông L 700.000.000 đồng và bà X 200.000.000 đồng là có căn cứ.

Đối với yêu cầu kháng cáo về phương thức trả nợ: Bà D có trình bày tại phiên tòa sơ thẩm là tự nguyện cho ông M trả nợ gốc và lãi thành 02 lần trong một năm, lần thứ nhất trả 400.000.000 đồng và lần thứ 2 trả hết số tiền còn lại và bà X cũng đồng ý cho ông M trả nợ làm 02 lần với mốc thời gian như bà D. Nhưng nay các nguyên đơn kháng cáo là không có căn cứ, nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của các nguyên đơn. Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật dân sự giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục kháng cáo:

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 11 tháng 4 năm 2023, ông Lê Hoài L, bà Nguyễn Lưu Mỹ D, bà Lưu Thị X kháng cáo đúng theo trình tự, thủ tục quy định tại các Điều 70, Điều 271, Điều 272, Điều 273, Điều 276 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được xem xét, xét xử theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về phạm vi xét xử phúc thẩm: Ông Lê Hoài L, bà Nguyễn Lưu Mỹ D, bà Lưu Thị X kháng cáo bản án dân sự sơ thẩm. Căn cứ phạm vi xét xử phúc thẩm quy định tại Điều 293 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án cấp phúc thẩm xem xét nội dung vụ án có liên quan đến kháng cáo, kháng nghị.

[3] Về nội dung giải quyết yêu cầu kháng cáo, Hội đồng xét xử nhận định:

[3.1] Xét yêu cầu của ông Lê Hoài L, bà Nguyễn Lưu Mỹ D về việc yêu cầu ông Trần Hữu M hoàn trả số tiền vốn vay 800.000.000 đồng và yêu cầu của bà Lưu Thị X về việc yêu cầu ông Trần Hữu M hoàn trả số tiền vốn vay 200.000.000 đồng, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa sơ thẩm xác định ông M có vay của ông L và bà D số tiền là 800.000.000 đồng và vay của bà X số tiền 200.000.000 đồng vào ngày 10/01/2022.

Ông M cho rằng ngay sau khi vay, ông có hoàn trả số tiền 100.000.000 đồng cho ông L. Tại phiên hòa giải ngày 15/02/2023 và phiên tòa 10/3/2023, bà D đại diện ông L lại thừa nhận sự việc này và chỉ yêu cầu ông M có nghĩa vụ hoàn trả vốn vay 700.000.000 đồng. Cấp sơ thẩm chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông L và bà D, buộc ông M có nghĩa vụ hoàn trả vốn vay 700.000.000 đồng. Ông L và bà D kháng cáo cho rằng số tiền 100.000.000 đồng do ông M trả là khoản nợ khác chứ không liên quan số tiền ông M vay 800.000.000 đồng, lời trình bày của ông L và bà D không có căn cứ, tại phiên tòa phúc thẩm cũng không cung cấp được chứng cứ nào khác, nên Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông L và bà D.

[3.2] Xét yêu cầu kháng cáo của ông Lê Hoài L, bà Nguyễn Lưu Mỹ D và bà Lưu Thị X về việc yêu cầu ông Trần Hữu M hoàn trả số tiền vốn vay và tiền lãi thành 02 lần ngày 03/4/2023 và ngày 27/03/2024, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Cấp sơ thẩm cho rằng ông Lê Hoài L, bà Nguyễn Lưu Mỹ D và bà Lưu Thị X yêu cầu ông Trần Hữu M trả nợ thành 02 lần vào các ngày 03/4/2023 và ngày 27/3/2024, ông M không đồng ý mà xin trả dần mỗi tháng 2.000.000 đồng. Cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của các nguyên đơn buộc ông M có nghĩa vụ hoàn trả ông Lê Hoài L, bà Nguyễn Lưu Mỹ D số tiền 400.000.000 đồng vào ngày 03/4/2023 và số tiền còn lại 399.011.112 đồng vào ngày 27/3/2024. Trả cho bà Lưu Thị X số tiền 100.000.000 đồng vào ngày 03/4/2023 và số tiền còn lại 128.288.888 đồng vào ngày 27/3/2024. Việc Tòa án cấp sơ thẩm xét xử buộc bị đơn trả với mốc thời gian nêu trên là không đúng vì các đương sự không thống nhất về thời gian trả nợ và đây là giai đoạn tố tụng riêng, sau khi bản án có hiệu

lực phát luật, cơ quan thi hành án dân sự căn cứ Luật thi hành án dân sự để thi hành nên kháng cáo của các nguyên đơn là có căn cứ nên được chấp nhận.

Lời đề nghị của Kiểm sát viên có căn cứ chỉ chấp nhận một phần.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo của ông Lê Hoài L, bà Nguyễn Lưu Mỹ D và bà Lưu Thị X được chấp nhận nên ông L, bà D và bà X không phải chịu án phí. Ông Trần Hữu M phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên ông M là người cao tuổi nên được miễn án phí.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo và kháng nghị

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của ông Lê Hoài L, bà Nguyễn Lưu Mỹ D.

Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Lưu Thị X.

Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 19/2023/DS-ST ngày 27 tháng 3 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố, tỉnh Long An.

Áp dụng các Điều 26, 35, 39, 147, 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các điều 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Lê Hoài L, bà Nguyễn Lưu Mỹ D, buộc ông Trần Hữu M có nghĩa vụ hoàn trả vốn vay 700.000.000 đồng và tiền lãi là 99.011.112 đồng, tổng cộng 799.011.112 đồng (Bảy trăm chín mươi chín triệu, không trăm mười một nghìn, một trăm mười hai đồng).

2. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Lưu Thị X, buộc ông Trần Hữu M có nghĩa vụ hoàn trả vốn vay 200.000.000 đồng và tiền lãi là 28.288.888 đồng, tổng cộng 228.288.888 đồng (Hai trăm hai mươi tám triệu, hai trăm tám mươi tám nghìn, tám trăm tám mươi tám đồng).

3. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Lê Hoài L, bà Nguyễn Lưu Mỹ D về việc yêu cầu ông Trần Hữu M có nghĩa vụ hoàn trả vốn vay 100.000.000 đồng.

4. Tiếp tục duy trì biện pháp khẩn cấp tạm thời tại Quyết định số 01/2023/QĐ-BPKCTT ngày 06 ngày 01 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành

phố TA về áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời "Cấm xuất cảnh đối với người có nghĩa vụ".

5. Về án phí sơ thẩm:

Ông Trần Hữu M được miễn nộp án phí.

Bà Lưu Thị X không phải chịu án phí.

Ông Lê Hoài L, bà Nguyễn Lưu Mỹ D phải nộp 5.000.000 đồng. Chuyển 5.000.000 đồng trong số tiền là 18.000.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002018 ngày 06 tháng 01 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố TA, tỉnh Long An sang án phí. Hoàn lại cho ông Lê Hoài L, bà Nguyễn Lưu Mỹ D số tiền 13.000.000 đồng.

6. Về án phí phúc thẩm

Ông Trần Hữu M được miễn nộp án phí.

Bà Lưu Thị X, ông Lê Hoài L, bà Nguyễn Lưu Mỹ D không phải chịu án phí.

Hoàn lại số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0002265 ngày 12 tháng 4 năm 2023 cho ông Lê Hoài L, bà Nguyễn Lưu Mỹ D.

Hoàn lại số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0002376 ngày 18 tháng 5 năm 2023 cho ông Lê Hoài L.

7. Về nghĩa vụ thi hành án:

7.1. Về nghĩa vụ chậm thi hành án:

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015.

7.2. Về hướng dẫn thi hành án dân sự:

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử công khai phúc thẩm có hiệu lực thi hành ngay sau khi tuyên án.

Nơi nhận:
- TANDCC tại TP.Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Long An;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- TAND thành phố TA;
- Chi cục THADS thành phố TA;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, án văn.

Đặng Văn Những